



CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT KIM HÀ NỘI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019
đã được kiểm toán

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT
NAM VIET AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES CO., LTD. (AASCN)

Trụ sở chính: Số 29 Hoàng Sa, Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Tel: (84 28) 3910 3908 - 3910 4881 / Fax: (84 28) 3910 4880
CN phía Bắc: LK7-TT2, 96B Nguyễn Huy Tưởng, Thanh Xuân Trung, Thanh Xuân, Hà Nội. Tel: (84-24) 3994 7969 / Fax: (84 24) 3793 1429

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 – 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	5 – 36
Bảng cân đối kế toán	5 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9 – 10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	11 – 36

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT KIM HÀ NỘI

Lô 2, CN5 Cụm CN tập trung vừa và nhỏ, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dệt kim Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dệt kim Hà Nội (tiền thân là Công ty Dệt kim Hà Nội) là công ty cổ phần được cổ phần hóa theo quyết định số 1288/QĐ-UB của UBND Thành phố Hà Nội. Công ty được cấp giấy chứng nhận kinh doanh lần đầu số 0103007210 ngày 25 tháng 3 năm 2005, được cấp lại mã số doanh nghiệp theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100100657 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại là:

- Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm thuộc ngành dệt may;
- Xuất khẩu các sản phẩm thuộc ngành dệt may, vật liệu tiêu dùng;
- Kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng, nhà xưởng và cửa hàng giới thiệu sản phẩm;
- Cung cấp các dịch vụ kèm theo kinh doanh bất động sản.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Lô 2, CN5, cụm Công nghiệp tập trung vừa và nhỏ, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Bùi Tấn Anh	Chủ tịch
Ông Mai Xuân Sơn	Ủy viên
Bà Phạm Thị Hợp	Ủy viên
Ông Nguyễn Đình Chiến	Ủy viên
Ông Đào Đình Tâm	Ủy viên

BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Bùi Tấn Anh	Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thanh Cúc	Phó Giám đốc
Bà Phạm Thị Hợp	Kế toán trưởng

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt – Chi nhánh phía Bắc (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT KIM HÀ NỘI

Lô 2, CN5 Cụm CN tập trung vừa và nhỏ, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2020

TM. Ban Giám đốc

Giám đốc



Bùi Tấn Anh

Số : 24.../2020/BCKT-AASCN.PB

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT KIM HÀ NỘI**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dệt kim Hà Nội, được lập ngày 28 tháng 02 năm 2020, từ trang 06 đến trang 36, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Lãnh đạo cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dệt kim Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2020

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán
và Kiểm toán Nam Việt – Chi nhánh phía Bắc



Bùi Thị Ngọc Lân

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0300-2018-152-1

Kiểm toán viên



Lê Mỹ Trang

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3764-2016-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		28.605.246.473	40.012.598.778
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	787.120.837	7.797.218.177
1.	Tiền	111		787.120.837	2.297.218.177
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	5.500.000.000
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.660.975.663	8.813.513.996
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	3.278.526.131	1.793.911.376
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		241.063.636	235.750.000
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.03	2.079.499	7.616.199.820
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.04	(860.693.603)	(832.347.200)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140	V.05	25.009.946.500	21.943.318.638
1.	Hàng tồn kho	141		25.009.946.500	21.943.318.638
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		147.203.473	1.458.547.967
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.09	78.982.500	71.562.500
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		55.722.684	927.164.190
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	12.498.289	459.821.277
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT KIM HÀ NỘI

Lô 2, CN5 Cụm CN tập trung vừa và nhỏ, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		32.241.416.510	35.163.260.044
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	10.000.000
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.03	-	10.000.000
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		25.725.453.075	28.209.560.505
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	25.725.453.075	28.209.560.505
	- Nguyên giá	222		64.406.893.637	63.681.317.772
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(38.681.440.562)	(35.471.757.267)
3.	Tài sản cố định vô hình	227		-	-
	- Nguyên giá	228		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
III.	Bất động sản đầu tư	230	V.07	4.735.265.679	4.991.291.379
1.	Nguyên giá	231		7.680.770.977	7.680.770.977
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(2.945.505.298)	(2.689.479.598)
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240		83.420.909	-
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.08	83.420.909	-
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		1.697.276.847	1.952.408.160
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	1.697.276.847	1.952.408.160
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		60.846.662.983	75.175.858.822

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT KIM HÀ NỘI

Lô 2, CN5 Cụm CN tập trung vừa và nhỏ, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		23.496.804.039	38.105.548.700
I.	Nợ ngắn hạn	310		9.853.049.679	23.556.414.870
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	6.525.777.237	5.259.242.989
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	17.778.520	8.101.600.000
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	38.472.065	195.952.670
4.	Phải trả người lao động	314		1.318.210.100	4.189.749.600
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	134.114	674.063.305
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.16	968.747.655	874.914.869
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	293.258.271	264.476.155
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.10	246.028.930	3.627.107.495
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		444.642.787	369.307.787
II.	Nợ dài hạn	330		13.643.754.360	14.549.133.830
7.	Phải trả dài hạn khác	337	V.15	901.877.700	917.392.080
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.10	12.741.876.660	13.631.741.750
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		37.349.858.944	37.070.310.122
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.17	37.349.858.944	37.070.310.122
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		24.000.000.000	24.000.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		24.000.000.000	24.000.000.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
4.	Vốn khác của chủ sở hữu	414		7.723.048.037	7.723.048.037
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		2.104.159.233	1.744.229.233
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.522.651.674	3.603.032.852
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		423.287.852	6.640.699
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		3.099.363.822	3.596.392.153
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		60.846.662.983	75.175.858.822

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2020

Người lập biểu



Bùi Bích Phong

Kế toán trưởng



Phạm Thị Hợp

Giám đốc



Bùi Tân Anh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2019

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	91.559.938.801	117.796.343.884
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	917.623	18.889.217
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		91.559.021.178	117.777.454.667
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.03	76.335.651.700	99.872.525.990
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		15.223.369.478	17.904.928.677
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	424.580.324	1.052.834.497
7.	Chi phí tài chính	22	VI.05	1.430.730.983	2.223.330.538
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		1.373.979.137	1.871.317.159
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.08	3.962.245.692	5.057.320.432
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.08	6.355.524.860	7.152.479.872
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.899.448.267	4.524.632.332
11.	Thu nhập khác	31	VI.06	17.903.155	17.683.825
12.	Chi phí khác	32	VI.07	19.515.535	29.971.334
13.	Lợi nhuận khác	40		(1.612.380)	(12.287.509)
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.897.835.887	4.512.344.823
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	798.472.065	915.952.670
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		3.099.363.822	3.596.392.153
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	1.291	1.424
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	1.291	1.424

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng




Bùi Bích Phong

Phạm Thị Hợp



Bùi Tấn Anh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		91.302.357.497	117.587.298.021
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(68.990.559.226)	(91.570.062.294)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(17.352.477.322)	(18.073.540.910)
4.	Tiền lãi vay đã trả	04		(1.377.205.971)	(1.888.135.721)
5.	Thuế TNDN đã nộp	05		(955.952.670)	(767.400.302)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		2.948.802.040	851.033.935
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(4.378.559.426)	(5.934.634.321)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.196.404.922	204.558.408
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(1.470.449.274)	(1.299.942.500)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		9.400.000	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(6.000.000.000)	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		6.000.000.000	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		165.514.237	782.108.871
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.295.535.037)	(517.833.629)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT KIM HÀ NỘI

Lô 2, CN5 Cụm CN tập trung vừa và nhỏ, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		30.189.592.079	71.152.910.678
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(34.460.535.734)	(86.493.262.178)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.640.000.000)	(2.520.000.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(6.910.943.655)	(17.860.351.500)
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50		(7.010.073.770)	(18.173.626.721)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		7.797.218.177	25.970.844.898
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(23.570)	-
	Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70		787.120.837	7.797.218.177

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Bùi Bích Phong

Phạm Thị Hợp

Bùi Tân Anh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, kinh doanh thương mại, dịch vụ.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại là:

- Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm thuộc ngành dệt may;
- Xuất khẩu các sản phẩm thuộc ngành dệt may, vật liệu tiêu dùng;
- Kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng, nhà xưởng và cửa hàng giới thiệu sản phẩm;
- Cung cấp các dịch vụ kèm theo kinh doanh bất động sản.

04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

05. Cấu trúc doanh nghiệp

Tổng số cán bộ, nhân viên và công nhân của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 174 người.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm mua bán;

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT KIM HÀ NỘI

Lô 2, CN5 Cụm CN tập trung vừa và nhỏ, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

02. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

03. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi như đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

04. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT KIM HÀ NỘI

Lô 2, CN5 Cụm CN tập trung vừa và nhỏ, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

05. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 – 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 – 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 – 10 năm
- TSCĐ hữu hình khác	10 – 12 năm

06. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Các chi phí phát sinh sau khi đưa bất động sản đầu tư vào sử dụng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt mức hoạt động tiêu chuẩn được đánh giá ban đầu thì các khoản chi phí này được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư.

Khấu hao

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định không được khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Nhà cửa	30 năm
-----------	--------

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

07. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

08. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT KIM HÀ NỘI

Lô 2, CN5 Cụm CN tập trung vừa và nhỏ, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

09. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác như: chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có quyết định hoặc thông báo chia cổ tức cho các Cổ đông.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT KIM HÀ NỘI

Lô 2, CN5 Cụm CN tập trung vừa và nhỏ, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

14. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong năm.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT KIM HÀ NỘI

Lô 2, CN5 Cụm CN tập trung vừa và nhỏ, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN*Đơn vị tính: VND***01. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền	787.120.837	2.297.218.177
+ Tiền mặt	30.653.948	150.764.917
+ Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	756.466.889	2.146.453.260
- Các khoản tương đương tiền	-	5.500.000.000
Cộng	<u>787.120.837</u>	<u>7.797.218.177</u>

02. Phải thu của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	<u>3.278.526.131</u>	<u>1.793.911.376</u>
- Công ty A Sen	436.005.780	436.005.780
- Bruin Corporation	396.341.420	396.341.420
- Công ty TNHH Giang Nguyên	468.248.000	-
- Công ty SMC Soucing Co., Ltd	454.093.474	-
- Công ty UEDA SHOKO Co.,Ltd	796.503.483	-
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	727.333.974	961.564.176
b. Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	<u>3.278.526.131</u>	<u>1.793.911.376</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT KIM HÀ NỘI

Lô 2, CN5 Cụm CN tập trung vừa và nhỏ, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Phải thu khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>a. Ngắn hạn</i>	2.079.499	-	7.616.199.820	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn (*)	-	-	7.603.860.000	-
- Phải thu khác	2.079.499	-	12.339.820	-
<i>b. Dài hạn</i>	-	-	10.000.000	-
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	-	-	10.000.000	-
Cộng	2.079.499	-	7.626.199.820	-

04. Nợ xấu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Công ty A Sen	436.005.780	-	436.005.780	-
- Bruin Corporation	396.341.420	-	396.341.420	-
- Đối tượng khác	28.346.403	-	-	-
Cộng	860.693.603	-	832.347.200	-

05. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	9.580.383.839	-	10.395.122.369	-
- Công cụ, dụng cụ	27.781.312	-	58.111.177	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	9.801.479.837	-	7.822.708.977	-
- Thành phẩm	5.600.301.512	-	3.667.376.115	-
Cộng	25.009.946.500	-	21.943.318.638	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT KIM HẠ NỘI

Lô 2, CN5 Cụm CN tập trung vừa và nhỏ, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

06. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá						
Số dư đầu năm	26.379.415.543	32.288.021.611	1.057.577.273	88.847.238	3.867.456.107	63.681.317.772
- Mua trong năm	-	1.387.028.365	-	-	-	1.387.028.365
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(661.452.500)	-	-	-	(661.452.500)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	26.379.415.543	33.013.597.476	1.057.577.273	88.847.238	3.867.456.107	64.406.893.637
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	9.767.397.202	20.970.900.899	875.097.072	85.928.616	3.772.433.478	35.471.757.267
- Khấu hao trong năm	1.330.309.522	2.375.920.743	115.083.720	2.918.622	46.903.188	3.871.135.795
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(661.452.500)	-	-	-	(661.452.500)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	11.097.706.724	22.685.369.142	990.180.792	88.847.238	3.819.336.666	38.681.440.562
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	16.612.018.341	11.317.120.712	182.480.201	2.918.622	95.022.629	28.209.560.505
2. Tại ngày cuối năm	15.281.708.819	10.328.228.334	67.396.481	-	48.119.441	25.725.453.075

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng 9.934.731.122 đồng.

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 21.563.313.607 VND và 6.310.867.53 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thăng Long.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT KIM HÀ NỘI

Lô 2, CN5 Cụm CN tập trung vừa và nhỏ, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
I. Nguyên giá bất động sản đầu tư	7.680.770.977	-	-	7.680.770.977
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	7.680.770.977	-	-	7.680.770.977
II. Giá trị hao mòn lũy kế	2.689.479.598	256.025.700	-	2.945.505.298
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	2.689.479.598	256.025.700	-	2.945.505.298
III. Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư	4.991.291.379	-	256.025.700	4.735.265.679
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	4.991.291.379	-	256.025.700	4.735.265.679

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 05 – “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cần được trình bày. Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 để trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính do không có giao dịch thị trường nào gần đây cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Công ty.

08. Tài sản dở dang dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>		
+ Dự án 285 Đội Cấn	83.420.909	-
Cộng	83.420.909	-

09. Chi phí trả trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>a. Ngắn hạn</i>	78.982.500	71.562.500
- Chi phí bảo hiểm	78.982.500	71.562.500
<i>b. Dài hạn</i>	1.697.276.847	1.952.408.160
- Chi phí sửa chữa, cải tạo	-	113.691.577
- Chi phí sử dụng hạ tầng Khu công nghiệp	1.697.276.847	1.838.716.583
Cộng	1.776.259.347	2.023.970.660

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT KIM HÀ NỘI

Lô 2, CN5 Cụm CN tập trung vừa và nhỏ, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

10. Vay và nợ thuê tài chính	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	3.627.107.495	3.627.107.495	30.435.621.009	33.816.699.574	246.028.930	246.028.930
- <i>Vay ngân hàng</i>	<i>2.404.164.800</i>	<i>2.404.164.800</i>	<i>30.189.592.079</i>	<i>32.593.756.879</i>	-	-
+ Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam (a)	2.404.164.800	2.404.164.800	30.189.592.079	32.593.756.879	-	-
- Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	1.222.942.695	1.222.942.695	246.028.930	1.222.942.695	246.028.930	246.028.930
+ Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam (b)	1.222.942.695	1.222.942.695	246.028.930	1.222.942.695	246.028.930	246.028.930
b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	13.631.741.750	13.631.741.750	-	889.865.090	12.741.876.660	12.741.876.660
b.1 vay dài hạn	13.631.741.750	13.631.741.750	-	889.865.090	12.741.876.660	12.741.876.660
Từ 1 năm đến 5 năm	13.631.741.750	13.631.741.750	-	889.865.090	12.741.876.660	12.741.876.660
- <i>Vay ngân hàng</i>	<i>889.865.090</i>	<i>889.865.090</i>	-	<i>889.865.090</i>	-	-
+ Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam (b)	889.865.090	889.865.090	-	889.865.090	-	-
- <i>Vay đối tượng khác</i>	<i>12.741.876.660</i>	<i>12.741.876.660</i>	-	-	<i>12.741.876.660</i>	<i>12.741.876.660</i>
+ Công ty CP Thi công cơ giới Xây lắp (c)	12.741.876.660	12.741.876.660	-	-	12.741.876.660	12.741.876.660
Cộng	17.258.849.245	17.258.849.245	30.435.621.009	34.706.564.664	12.987.905.590	12.987.905.590

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

(a): Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thăng Long theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 14.1/19/CV/DETKIM ngày 15 tháng 5 năm 2019 với các điều khoản như sau:

- Hạn mức cho vay là 18.000.000.000 VND.
- Mục đích vay: Tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT KIM HÀ NỘI

Lô 2, CN5 Cụm CN tập trung vừa và nhỏ, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Thời hạn cấp hạn mức: từ ngày ký hợp đồng đến 17/5/2020. Thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ tối đa là 06 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay và được ghi trên từng giấy nhận nợ
- Lãi suất tiền vay: được xác định tại thời điểm giải ngân vốn vay theo thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên từng Giấy nhận nợ. Lãi suất trong năm 2019 là: 4% - 5,5%/năm.
- Tài sản đảm bảo: Thế chấp tài sản là máy móc thiết bị, quyền tài sản và tài sản gắn liền với đất theo các Hợp đồng thế chấp số 01/06/NHNT.CG ngày 08/08/2006, số 01/07/MHMT.CG ngày 22/05/2007, số 65/08/TC ngày 28/02/2008, số 85/08/TC ngày 20/03/2008, số 134/2009/VCB ngày 17/04/2009, số 449/2009 ngày 16/10/2009, số 289/10 ngày 22/12/2010, số 112/12 ngày 24/04/2012, số 27/14/HĐTC/NHNT.TL ngày 07/04/2014, số 28/14/HĐTC/NHNT.TL ngày 07/04/2014, số 54/15/TC ngày 22/07/2015, ngày 24/16/KHBL ngày 01/02/2016 và số 11/HĐTC/VCB-HKC ngày 28/04/2017 đã ký giữa Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam và Công ty Cổ phần Dệt kim Hà Nội.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay trung hạn:

(b): Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thăng Long theo các hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 105/15/TDH ngày 23 tháng 7 năm 2015 với mục đích vay để nhập khẩu 15 máy dệt Computer 01 ống kim theo Hợp đồng ngoại số HKC-ZFI-20150714 ngày 14/7/2015 ký giữa Công ty Cổ phần Dệt kim Hà Nội và Fengjiatex (HK) Co.LTD nhằm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn 48 tháng, lãi suất 4,5%/năm. Tài sản đảm bảo là: Tài sản hình thành từ vốn vay; 01 quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại 396 Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 112483 do UBND Thành phố Hà Nội cấp ngày 21/05/2004; 01 máy nén khí trục vít A-50; máy dệt các loại.
- Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 76/16/KHBL ngày 03 tháng 02 năm 2016 với mục đích vay để nhập khẩu 20 máy dệt Computer 01 ống kim theo Hợp đồng ngoại số HKC-ZFI-20160120 ngày 20/01/2016 ký giữa Công ty Cổ phần Dệt kim Hà Nội và Fengjiatex (HK) Co.LTD nhằm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn 48 tháng, lãi suất 4,5%/năm. Tài sản đảm bảo là: Tài sản hình thành từ vốn vay; 01 quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại 396 Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 112483 do UBND Thành phố Hà Nội cấp ngày 21/05/2004; 01 máy nén khí trục vít A-50; máy dệt các loại.
- Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 28/TDH/VCB-HKC ngày 05 tháng 4 năm 2017 với mục đích vay để mua 07 máy dệt một ống kim model TK800, số seri: 17100, 17101, 17102, 17103, 17104, 17105, 17106 theo Hợp đồng ngoại số FJ170328 ngày 28/03/2017 ký giữa Công ty Cổ phần Dệt kim Hà Nội và Fengjiatex (HK) Co.Ltd. Thời hạn 48 tháng, lãi suất 4,5%/năm. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay.
- Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 03/2018/TDH/VBC-HKC ngày 04 tháng 5 năm 2018 với mục đích vay để mua 05 máy dệt kim bit tắt model TK800, số seri: 18027, 18028, 18029, 18030, 18031 và 03 máy khui bit tắt model HT-301 theo Hợp đồng ngoại số HY-180202 ngày 02/02/2018 ký giữa Công ty Cổ phần Dệt kim Hà Nội và Fengjiatex (HK) Co.Ltd. Thời hạn 48 tháng, lãi suất 6,72%/năm. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay.

(c): Khoản vay Công ty Cổ phần Thi công cơ giới Xây lắp theo biên bản làm việc ngày 12 tháng 7 năm 2010 giữa Công ty và công ty Cổ phần Thi công cơ giới Xây lắp. Lãi suất là 9,5%/năm. Khoản vay này sẽ được bù trừ với 50% lợi nhuận Công ty được nhận theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 36/HĐLD ngày 08 tháng 6 năm 2005 và phụ lục hợp đồng số 11/2010/PLHĐHTKD ngày 19 tháng 7 năm 2010 giữa Công ty và công ty Cổ phần Thi công cơ giới Xây lắp về việc hợp tác đầu tư xây dựng dự án Khu nhà ở Xuân Đình sau khi dự án hoàn thành.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT KIM HÀ NỘI

Lô 2, CN5 Cụm CN tập trung vừa và nhỏ, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

11. Phải trả người bán

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Phải trả người bán ngắn hạn				
- Kawabe Corporation	6.525.777.237	6.525.777.237	5.259.242.989	5.259.242.989
- Zhujj Fengjiang Co.,Ltd	1.820.724.889	1.820.724.889	1.387.511.484	1.387.511.484
- GSI Creos Co.,Ltd	-	-	550.600.000	550.600.000
- Fengjiangtex(HK) Co.,Ltd	2.458.138.899	2.458.138.899	119.231.741	119.231.741
- Myanmar Co.,Ltd	814.939.528	814.939.528	1.057.307.658	1.057.307.658
- Shanghai Naxis Co.,Ltd	-	-	448.717.296	448.717.296
- Shanghai Xiangji Co.,Ltd	-	-	-	-
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	1.431.973.921	1.431.973.921	1.695.874.810	1.695.874.810
b. Phải trả người bán dài hạn				
Cộng	6.525.777.237	6.525.777.237	5.259.242.989	5.259.242.989

12. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn				
- Cục trang bị và Kho vận - Bộ Công an	17.778.520	17.778.520	8.101.600.000	8.101.600.000
- Công ty Liên doanh Lào	-	-	7.169.250.000	7.169.250.000
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	17.778.520	17.778.520	932.200.000	932.200.000
b. Người mua trả tiền trước dài hạn				
Cộng	17.778.520	17.778.520	8.101.600.000	8.101.600.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT KIM HÀ NỘI

Lô 2, CN5 Cụm CN tập trung vừa và nhỏ, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<i>Đơn vị tính: VND</i>					
	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
- Thuế giá trị gia tăng	-	-	-	-	-	-
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	147.069.649	147.069.649	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	27.548.094	27.548.094	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	195.952.670	798.472.065	955.952.670	-	38.472.065
- Thuế thu nhập cá nhân	-	-	236.169.643	236.169.643	-	-
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	447.322.988	-	918.162.544	470.839.556	-	-
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	12.498.289	-	38.683.513	38.683.513	12.498.289	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	5.000.000	5.000.000	-	-
Cộng	459.821.277	195.952.670	2.171.105.508	1.881.263.125	12.498.289	38.472.065

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT KIM HÀ NỘI

Lô 2, CN5 Cụm CN tập trung vừa và nhỏ, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

14. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Ngắn hạn	134.114	674.063.305
- Chi phí lãi vay	134.114	3.360.948
- Trích trước chi phí hoa hồng phải trả	-	669.454.581
- Các khoản trích trước khác	-	1.247.776
b. Dài hạn	-	-
Cộng	134.114	674.063.305

15. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Ngắn hạn	293.258.271	264.476.155
- Kinh phí công đoàn	293.258.271	264.445.799
- Bảo hiểm xã hội	-	30.356
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	-
b. Dài hạn	901.877.700	917.392.080
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	901.877.700	917.392.080
Cộng	1.195.135.971	1.181.868.235

16. Doanh thu chưa thực hiện

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Ngắn hạn	968.747.655	874.914.869
- Doanh thu cho thuê địa điểm nhận trước	968.747.655	874.914.869
b. Dài hạn	-	-
Cộng	968.747.655	874.914.869

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT KIM HÀ NỘI

Lô 2, CN5 Cụm CN tập trung vừa và nhỏ, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

17. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	24.000.000.000	7.723.048.037	1.458.587.415	2.959.882.517	36.141.517.969
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Lãi/(lỗ) trong năm trước	-	-	-	3.596.392.153	3.596.392.153
Tăng khác	-	-	285.641.818	-	285.641.818
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(2.953.241.818)	(2.953.241.818)
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	24.000.000.000	7.723.048.037	1.744.229.233	3.603.032.852	37.070.310.122
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-
Lãi/(lỗ) trong năm nay	-	-	-	3.099.363.822	3.099.363.822
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	359.930.000	(3.179.745.000)	(2.819.815.000)
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	24.000.000.000	7.723.048.037	2.104.159.233	3.522.651.674	37.349.858.944

(*) Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQĐHCD-DKHN ngày 21 tháng 6 năm 2019, cụ thể:

	Số tiền
- Trích quỹ đầu tư phát triển	359.930.000
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	179.815.000
- Chia cổ tức	2.640.000.000
Cộng	3.179.745.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT KIM HÀ NỘI

Lô 2, CN5 Cụm CN tập trung vừa và nhỏ, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
+ Tổng Công ty CP Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội	4.500.000.000	18,75	-	-
+ Ông Nguyễn Tất Thắng	-	-	4.500.000.000	18,75
+ Bà Đỗ Thị Thu Hà	4.000.000.000	16,67	4.000.000.000	16,67
+ Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt	3.740.000.000	15,58	3.740.000.000	15,58
+ Ông Bùi Tấn Anh	2.824.500.000	11,77	2.717.700.000	11,33
+ Ông Đỗ Quang Hiến	1.215.400.000	5,06	1.215.400.000	5,06
+ Các đối tượng khác	7.720.100.000	32,17	7.826.900.000	32,61
Cộng	24.000.000.000	100	24.000.000.000	100

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	24.000.000.000	24.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	24.000.000.000	24.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	2.640.000.000	2.520.000.000

d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.400.000	2.400.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.400.000	2.400.000
+ Cổ phiếu phổ thông	2.400.000	2.400.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.400.000	2.400.000
+ Cổ phiếu phổ thông	2.400.000	2.400.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

e. Các quỹ của Công ty

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	2.104.159.233	1.744.229.233
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	7.723.048.037	7.723.048.037
Cộng	9.827.207.270	9.467.277.270

18. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**a. Ngoại tệ các loại**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- USD	23.570,03	39.409,38

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT KIM HÀ NỘI

Lô 2, CN5 Cụm CN tập trung vừa và nhỏ, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán hàng	85.632.848.063	111.896.543.677
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.927.090.738	5.899.800.207
Cộng	91.559.938.801	117.796.343.884

02. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
- Chiết khấu thương mại	917.623	2.085.402
- Giảm giá hàng bán	-	16.803.815
- Hàng bán bị trả lại	-	-
Cộng	917.623	18.889.217

03. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	73.689.263.806	97.072.984.744
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.646.387.894	2.799.541.246
Cộng	76.335.651.700	99.872.525.990

04. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	165.514.237	791.602.022
- Lãi chênh lệch tỷ giá	259.066.087	261.232.475
Cộng	424.580.324	1.052.834.497

05. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	1.373.979.137	1.871.317.159
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	56.751.846	352.013.379
Cộng	1.430.730.983	2.223.330.538

06. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
- Thu từ thanh lý	9.400.000	-
- Các khoản khác	8.503.155	17.683.825
Cộng	17.903.155	17.683.825

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT KIM HÀ NỘI

Lô 2, CN5 Cụm CN tập trung vừa và nhỏ, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
- Đóng quỹ từ thiện xã hội	10.065.000	-
- Các khoản khác	9.450.535	29.971.334
Cộng	19.515.535	29.971.334

08. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh	6.355.524.860	7.152.479.872
- Chi phí nhân viên quản lý	3.649.030.804	4.615.592.629
- Chi phí vật liệu quản lý	73.616.062	84.183.622
- Chi phí đồ dùng văn phòng	39.320.657	94.064.118
- Chi phí khấu hao TSCĐ	322.625.126	323.516.024
- Thuế, phí và lệ phí	577.631.233	455.843.465
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.094.039.112	742.456.145
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	599.261.866	836.823.869
b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh	3.962.245.692	5.057.320.432
- Chi phí nhân viên	1.035.405.128	1.263.844.164
- Chi phí vật liệu, bao bì	82.769.076	119.982.411
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	33.847.100	12.851.288
- Chi phí khấu hao TSCĐ	46.629.960	47.475.807
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.551.497.251	6.151.593
- Chi phí khác bằng tiền	1.212.097.177	3.607.015.169
Cộng	10.317.770.552	12.209.800.304

09. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (*)	798.472.065	915.952.670
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
- Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	798.472.065	915.952.670

(*) Chi tiết cách xác định thuế TNDN hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	3.897.835.887	4.512.344.823
Các khoản điều chỉnh tăng	94.524.438	67.418.526
Thu lao HDQT không trực tiếp điều hành	47.964.000	53.790.000
Chi phí không hợp lệ khác	46.560.438	13.628.526
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế TNDN	3.992.360.325	4.579.763.349
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	798.472.065	915.952.670

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT KIM HÀ NỘI

Lô 2, CN5 Cụm CN tập trung vừa và nhỏ, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	3.099.363.822	3.596.392.153
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.099.363.822	3.596.392.153
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	179.815.000
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	2.400.000	2.400.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.291	1.424

(*) Công ty chưa có cơ sở để tạm tính quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2019.

11. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	3.099.363.822	3.596.392.153
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.099.363.822	3.596.392.153
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	179.815.000
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	2.400.000	2.400.000
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.291	1424

(*) Công ty chưa có cơ sở để tạm tính quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2019.

12. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	43.709.150.160	56.222.738.277
- Chi phí nhân công	18.621.968.347	25.043.140.939
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.127.161.495	3.928.119.303
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.480.864.143	8.396.033.330
- Chi phí khác bằng tiền	3.075.310.176	5.431.870.152
Cộng	75.014.454.321	99.021.902.001

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Không có thông tin.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT KIM HÀ NỘI

Lô 2, CN5 Cụm CN tập trung vừa và nhỏ, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2019 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

02. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	690.412.000	566.498.034
Phụ cấp	36.784.000	34.268.000
Cộng	<u>727.196.000</u>	<u>600.766.034</u>

03. Thông tin bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh:

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Bán hàng: sản xuất và kinh doanh tất các loại, kinh doanh hàng hóa
- Dịch vụ: cho thuê văn phòng tại Đội Cấn.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT KIM HÀ NỘI

Lô 2, CN5 Cụm CN tập trung vừa và nhỏ, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	Bán hàng	Dịch vụ cho thuê văn phòng	Cộng
Năm nay			
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	85.631.930.440	5.927.090.738	91.559.021.178
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-
- Chi phí phân bổ	84.280.128.813	3.379.444.098	87.659.572.911
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	1.351.801.627	2.547.646.640	3.899.448.267
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	1.470.449.274	-	1.470.449.274
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	4.091.300.390	290.992.418	4.382.292.808
Số dư cuối năm			
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	56.171.576.204	3.887.965.942	60.059.542.146
- Tài sản không phân bổ			787.120.837
Tổng tài sản	56.171.576.204	3.887.965.942	60.846.662.983
- Nợ phải trả bộ phận	21.559.875.187	1.492.286.065	23.052.161.252
- Nợ phải trả không phân bổ			444.642.787
Tổng nợ phải trả	21.559.875.187	1.492.286.065	23.496.804.039

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT KIM HÀ NỘI

Lô 2, CN5 Cụm CN tập trung vừa và nhỏ, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Bán hàng	Dịch vụ cho thuê văn phòng	Cộng
Năm trước			
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	111.877.654.460	5.899.800.207	117.777.454.667
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-
- Chi phí phân bổ	109.783.024.839	3.469.797.496	113.252.822.335
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	2.094.629.621	2.430.002.711	4.524.632.332
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	1.299.942.500	-	1.299.942.500
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	3.991.564.776	332.013.979	4.323.578.755
Số dư cuối năm			
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	61.435.402.909	5.943.237.736	67.378.640.645
- Tài sản không phân bổ			7.797.218.177
Tổng tài sản	61.435.402.909	5.943.237.736	75.175.858.822
- Nợ phải trả bộ phận	34.846.449.846	2.889.791.067	37.736.240.913
- Nợ phải trả không phân bổ			369.307.787
Tổng nợ phải trả	34.846.449.846	2.889.791.067	38.105.548.700

Đơn vị tính: VND

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT KIM HÀ NỘI

Lô 2, CN5 Cụm CN tập trung vừa và nhỏ, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

04. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách			Giá trị hợp lý		
	Số cuối năm	Dự phòng	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	787.120.837	-	7.797.218.177	787.120.837	-	7.797.218.177
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.280.605.630	(860.693.603)	1.806.251.196	2.419.912.027	(832.347.200)	973.903.996
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	-	-	-
Cộng	4.067.726.467	(860.693.603)	9.603.469.373	3.207.032.864	(832.347.200)	8.771.122.173

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	6.525.777.237	5.259.242.989	6.525.777.237	5.259.242.989
Vay và nợ	12.987.905.590	17.258.849.245	12.987.905.590	17.258.849.245
Chi phí phải trả	134.114	674.063.305	134.114	674.063.305
Các khoản phải trả khác	-	-	-	-
Cộng	19.513.816.941	23.192.155.539	19.513.816.941	23.192.155.539

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT KIM HÀ NỘI

Lô 2, CN5 Cụm CN tập trung vừa và nhỏ, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

05. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Các khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

06. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm				
Phải trả cho người bán	6.525.777.237	-	-	6.525.777.237
Vay và nợ	246.028.930	12.741.876.660	-	12.987.905.590
Chi phí phải trả	134.114	-	-	134.114
Các khoản phải trả khác	-	-	-	-
Cộng	6.771.940.281	12.741.876.660	-	19.513.816.941
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	5.259.242.989	-	-	5.259.242.989
Vay và nợ	3.627.107.495	13.631.741.750	-	17.258.849.245
Chi phí phải trả	674.063.305	-	-	674.063.305
Các khoản phải trả khác	-	-	-	-
Cộng	9.560.413.789	13.631.741.750	-	23.192.155.539

07. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT KIM HÀ NỘI

Lô 2, CN5 Cụm CN tập trung vừa và nhỏ, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

08. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt. Trong đó, một số chỉ tiêu được trình bày lại cho phù hợp theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, cụ thể:

STT	Nội dung	Mã số	Số liệu đã trình bày trên BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán	Số liệu trình bày lại trên BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	Chênh lệch
	<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>				
1	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.498	1.424	(74)
2	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	1.498	1.424	(74)

09. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2020

Người lập biểu

Bùi Bích Phong

Kế toán trưởng

Phạm Thị Hợp

